Chi tiết mã HS 8475.29.00

Mã HS	8475.29.00
Mô tả hàng hóa	Máy để lắp ráp đèn điện hoặc đèn điện tử, đèn ống hoặc đèn điện tử chân không hoặc đèn flash, với vỏ bọc bằng thủy tinh; máy để chế tạo hoặc gia công nóng thủy tinh hoặc đồ thủy tinh / - Máy để chế tạo hoặc gia công nóng thủy tinh hoặc đồ thủy tinh: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 14:00:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84752900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14402
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14402
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14402
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13748
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13689
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13689
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13689
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13689
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13689
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13689
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13743
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13743
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13743
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13743
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13743
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13744
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13744
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13744
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13744
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13744
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13744
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13747
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13695
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13703
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13703
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13703
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13703
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13703
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13703
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13734
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13734
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13734
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13734
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13734
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13734
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13783
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13783
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13783
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13783
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13783
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13766
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13766
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13766
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13766
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13766
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13766
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13766
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13766
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13766
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13766
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13766
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13766
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13781
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13781
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13781
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13781
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13781
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13781
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13780
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13780
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13780
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13780
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13780

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13780
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13760
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13760
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13760
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13760
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13760
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13760
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13760
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13768
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13768
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13768
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13768
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13768
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13768
RCEP B	2022	2022	0	B!D13768
RCEP B	2023	2023	0	B!E13768
RCEP B	2024	2024	0	B!F13768
RCEP B	2025	2025	0	B!G13768
RCEP B	2026	2026	0	B!H13768
RCEP B	2027	2027	0	B!I13768
RCEP C	2022	2022	0	C!D13768
RCEP C	2023	2023	0	C!E13768
RCEP C	2024	2024	0	C!F13768
RCEP C	2025	2025	0	C!G13768
RCEP C	2026	2026	0	C!H13768
RCEP C	2027	2027	0	C!I13768

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13767
RCEP D	2023	2023	0	D!E13767
RCEP D	2024	2024	0	D!F13767
RCEP D	2025	2025	0	D!G13767
RCEP D	2026	2026	0	D!H13767
RCEP D	2027	2027	0	D!I13767
RCEP E	2022	2022	0	E!D13771
RCEP E	2023	2023	0	E!E13771
RCEP E	2024	2024	0	E!F13771
RCEP E	2025	2025	0	E!G13771
RCEP E	2026	2026	0	E!H13771
RCEP E	2027	2027	0	E!I13771
RCEP F	2022	2022	0	F!D13768
RCEP F	2023	2023	0	F!E13768
RCEP F	2024	2024	0	F!F13768
RCEP F	2025	2025	0	F!G13768
RCEP F	2026	2026	0	F!H13768
RCEP F	2027	2027	0	F!I13768
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12781
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12781
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12781
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12781

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8475.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8475.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14402), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.